



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 06/04/2026 (Thứ Hai)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
0.8	21:45	01:45	↗
3.4	04:30	07:45	↙
2.2	09:59	13:15	↗
3.4	15:05	18:15	↙
0.8	22:17	02:15	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đ.Toản	POS SINGAPORE	9.8	172	17,846	P/s3 - CL1	04:30	//0600	A3-A6
2	Th.Hùng	SITC MACAO	9.7	172	17,119	P/s3 - CL3	05:00	//0800	A1-A5
3	N.Tuấn	WAN HAI 308	10.3	200	27,311	P/s3 - CL4-5	08:00	//1100	A1-A5
4	P.Cân	ANBIEN BAY	8.5	172	17,515	P/s3 - CL7	10:00	//1300	A3-A6
5	Đ.Chiến	INCHEON VOYAGER	10.9	196	27,828	P/s3 - CL4	13:00	//	A1-A5
6	Quyết - Anh	WAN HAI 288	10.3	175	20,899	P/s3 - CL3	13:30	//1630	A2-A6
7	Kiên	INFINITY	8.6	172	17,119	P/s3 - BNPH	15:00	//1800	A3-08
8	K.Toản - N.Trường	INTERASIA PURSUIT	10	170	18,826	P/s3 - CL1	15:00	//1800	A1-A5
9	Hà - Duy	SHENG LI JI	7.1	172	18,219	P/s3 - CL5	21:30	//0030	
10	Hoàn	SITC HOCHIMINH	6.6	143	9,734	P/s3 - CL7	21:30	//0100	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	P.Hung - P.Thùy	HMM VICTORY	12	366	142,620	P/s3 - CM3	04:00	Y/C MP	MR-KS-AWA
2	N.Thanh - V.Tùng	ONE COMMITMENT	12.5	316	87,022	CM3 - P/s3	04:00	MT-VTX	KS-MR
3	N.Dũng - Nhật	WAN HAI A05	10.4	336	123,104	P/s3 - CM2	09:30	Y/c MT	MR-KS-AWA
4	Q.Hung	MARINA ONE	11.8	222	28,007	CM2 - P/s3	06:30	MP-VTX	KS-AWA
5	P.Tuấn - Thịnh	OOCL LAVENDER	13.5	367	159,260	CM4 - P/s3	15:00	MP-3NM-VTX	A9-A10-KS

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đặng	CATLAI EXPRESS	9.3	172	18,848	BNPH - P/s3	00:30		A3-TM
2	Đ.Minh	DONGJIN CONFIDENT	9.1	172	18,340	CL1 - P/s3	20:00		A2-A5
3	T.Tùng	CNC PUMA	9	186	31,999	CL5 - P/s3	19:30	Cano DL	A6-AB02
4	M.Cường	HAIAN IRIS	7.2	147	9,963	TCHP - H25	05:00	SR	01-12
5	Giang	HAI TIAN LONG	5	98	3,609	CL1 - H25	06:00	SR	A2-08

6	Quyền - H.Thanh	STRAITS CITY	7.5	142	9,587	CL2 - H25	06:30	SR	A2-08
7	Phú	ZHONG GU XIONG AN	8.7	180	28,554	CL3 - P/s3	07:00		A1-A5
8	Diệu	STAR 26	3.5	111	3,640	CanGio - H25	08:00	SR	
9	V.Hoàng - M.Hùng	ARCHER	9.5	223	27,779	CL4-5 - P/s3	11:00		A1-A5
10	N.Minh	DING XIANG TAI PING	9.2	185	23,779	CL4 - P/s3	11:00		A2-A6
11	B.Long	TPC-TK-04; TPC-SL-14	2.6	190	6,257	CanGio - H25	13:00	SR	
12	V.Dũng	SITC ZHENGDE	9.5	172	19,011	CL7 - P/s3	13:00		A3-A6
13	Uy	SITC MACAO	9.6	172	17,119	CL3 - P/s3	16:30		A2-A6
14	Tân	POS SINGAPORE	9.4	172	17,846	CL1 - P/s3	18:00		A6-AB02
15	N.Chiến	INCEDA	9.4	172	19,035	BNPH - P/s3	18:30		A3-08
16	Tín	TRUONG AN 03	3.2	111	3,640	CanGio - H25	12:00	ĐX, SR	
STT	Hoa tiêu	Tàu dời	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Duyệt	MAERSK KEELUNG	9.5	186	32,416	BP6 - CL5	00:30	Cano DL	A1-A5

